

Bản án số: 98/2024/HS-PT
Ngày 24-6-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Trần Thị Ngọc D sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số 182/1/3, tổ 35, khu phố 4, phường C1, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ (văn hóa) học vấn: lớp 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nh (đã chết) và bà Huỳnh Thị L; bị cáo có chồng và có 01 người con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 19 tháng 9 năm 2019 bị Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2019/HS-ST; bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 cho đến nay, có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn 02 bị hại và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2023 và ngày 23 tháng 6 năm 2023, Trần Thị Ngọc D đã thực hiện 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Lần thứ nhất: vào khoảng 16 giờ ngày 17 tháng 5 năm 2023, Trần Thị Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 61H1- 450.15 đi từ thành phố T, tỉnh Bình Dương đi đến thị xã (nay là thành phố) B1, tỉnh Bình Dương nhằm mục đích tìm người già sinh sống một mình để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, D đi đến nhà của bà Lê Thị N thấy nhà mở cửa và có người lớn tuổi nên bà D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện mục đích của mình, D nói dối là mình mới trúng số được 10.000.000.000 đồng, nên tìm người già để cho tiền xài. D hỏi bà N tiền để ở đâu để D bỏ tiền vào chỗ đó cho may mắn, bà N đồng ý và dắt D vào phòng ngủ lấy trong mền ra 01 túi nylon đưa cho D bên trong có: 28.500.000 đồng tiền mặt; 01 sợi dây chuyền có mặt hình tròn vàng 9999 trọng lượng 5,5 chỉ; 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ; 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 02 chỉ; 01 nhẫn vàng 18k có đính hột trọng lượng 1 chỉ; 01 sợi dây chuyền có mặt hình phật vàng 18k trọng lượng 3,5 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng 18k trọng lượng 3 chỉ. Sau khi cầm túi nylon chứa tài sản nêu trên, D nói dối với bà N là để D ra ngoài lấy tiền bỏ vào, bà N đồng ý. Khi ra trước cửa nhà, D kêu bà N đi hái cho bà mấy trái đậu đũa trước sân, bà N đang hái đậu đũa thì D lợi dụng lúc bà N không để ý nên điều khiển xe cùng số tài sản trên tẩu thoát. Sau khi lấy được tài sản D bán số vàng đã chiếm đoạt được nêu trên tại một cửa hàng (không rõ địa chỉ) tại thành phố T, tỉnh Bình Dương được khoảng 60.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị chiếm đoạt tài sản đến ngày 10/07/2023 bà N làm đơn trình báo toàn bộ sự việc nêu trên đến Công an phường H1, thị xã (nay là thành phố) B1, tỉnh Bình Dương. Tổng số tiền D chiếm đoạt của bà N là 117.378.000 đồng.

Lần thứ hai: vào khoảng 15 giờ 10 ngày 23 tháng 6 năm 2023, Trần Thị Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 61H1-450.15 đi từ thành phố T, tỉnh Bình Dương đến huyện B, tỉnh Bình Dương nhằm mục đích kiếm người già ở một mình để lừa đảo chiếm đoạt tài sản như lần trước. Khi đến trước cửa nhà bà Nguyễn Thị G, thấy bà G lớn tuổi ở một mình nên D nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện hành vi trên, D lợi dụng bà G là người già yếu, D nói dối là người quen, bà G mở cửa cho D vào nhà nói chuyện. Sau khi vào bên trong, D hỏi bà G có để dành tiền không thì bà G nói có, lúc này D nói dối mới trúng vé số, muốn biếu bà G 10.000.000 đồng và đề nghị được để chung với số tiền bà G để dành để có được may mắn. Bà G đồng ý và dẫn D vào trong phòng ngủ, bà G lấy gối màu hồng để ở đầu giường đưa cho bà D để D bỏ tiền vào bên trong. Khi nhận được gối từ bà G, D nói dối con bỏ tiền vào lấy may mắn nha và đồng thời mở gối ra thì thấy bên trong có một túi vải thun màu hồng, D sờ bên ngoài túi vải thun thì cảm nhận được bên trong có tài sản nên đã dùng tay trái lấy túi vải kẹp vào hông bên trái, rồi ném gối trở lại góc giường và

thông báo cho bà G biết là đã bỏ tiền vào bên trong. Bà G leo lên giường kiểm tra lại gói thì phát hiện tài sản bên trong đã bị D chiếm đoạt. Lúc này D đã nhanh chóng rời khỏi phòng và điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Sau khi lấy được tài sản D về thành phố T, tỉnh Bình Dương kiểm tra bên trong túi tài sản lấy được bao gồm: 200.000.000 đồng tiền mặt; 01 dây chuyền vàng 05 chỉ có gắn mặt dây chuyền vàng đính đá màu xanh; 01 lắc vàng cầm thạch 4,2 chỉ; 02 nhẫn vàng, mỗi nhẫn 02 chỉ. Sau đó, D đã đem bán 02 nhẫn vàng, 01 lắc vàng cầm thạch và sử dụng thêm 3.100.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được để mua 02 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 bộ ximen gồm 07 vòng bằng kim loại màu vàng cho bà Nguyễn Lệ Thu và tiêu xài cá nhân. Cùng ngày, cháu ruột bà G là bà Nguyễn Thị Kim C2 làm đơn trình báo toàn bộ sự việc nêu trên đến Công an xã V.

Sau khi tiếp nhận tin báo Công an xã V chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Đến ngày 24 tháng 6 năm 2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định bắt khẩn cấp đối với Trần Thị Ngọc D. Tại Cơ quan điều tra D đã thừa nhận toàn bộ sự việc nêu trên. Tổng số tiền D chiếm đoạt của bà G là 265.500.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 95/KL-HĐĐG ngày 20 tháng 7 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 sợi dây chuyền có mặt hình tròn vàng 9999 trọng lượng 5,5 chỉ, tài sản là kim khí quý, đá quý trị giá 29.975.000 đồng; 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ, tài sản là kim khí quý, đá quý trị giá 10.900.000 đồng; 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 02 chỉ, tài sản là kim khí quý, đá quý trị giá 21.800.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18k có đính hột trọng lượng 1 chỉ, tài sản là kim khí quý, đá quý trị giá 3.494.000 đồng; 01 sợi dây chuyền có mặt hình phật vàng 18k trọng lượng 3,5 chỉ, tài sản là kim khí quý, đá quý trị giá 12.228.000 đồng; 01 lắc đeo tay vàng 18k trọng lượng 3 chỉ, tài sản là kim khí quý, đá quý trị giá 10.481.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được định giá là 88.878.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 4293/KL-KTHS ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về mẫu vật gửi giám định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B như sau: 02 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng: 10,2415 gam được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au). Hàm lượng vàng: 59,81%. 01 bộ ximen gồm 07 vòng bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng: 27,2150 gam được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au). Hàm lượng vàng: 60,57%. 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có gắn 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh, tổng khối lượng cả đá: 25,9939 gam được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au). Hàm lượng vàng 96,82%.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 62/KL-HĐĐG ngày 16 tháng 8 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 02 nhẫn kim loại bằng vàng 9999, loại nhẫn trơn, mỗi nhẫn 02 chỉ tổng trị giá:

21.600.000 đồng; 01 lắc vàng cầm thạch (hột tròn) 18k, trọng lượng khoảng 04 chỉ, 02 phân, 02 ly trị giá 13.500.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có gắn 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh, tổng khối lượng cả đá: 25,9939 gam có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au). Hàm lượng vàng 96,82% trị giá 30.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được định giá là: 65.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-VKSBD-P7 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị Ngọc D có hành vi gian dối hai bị hại tổng trị giá tài sản 02 lần bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 382.878.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, mức hình phạt 08 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần đối với 02 bị hại đều trên 70 tuổi (bị hại N 71 tuổi, bị hại G 83 tuổi) là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị hại mà bị cáo nhắm đến để chiếm đoạt tài sản là những người cao tuổi, yếu thế được Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm bảo vệ quyền lợi, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với các bị hại là người cao tuổi không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trạng thái tâm lý và tinh thần của họ, gây dư luận xấu trong xã hội. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thể hiện sự không hướng thiện và thái độ xem thường pháp luật, cần có hình phạt nghiêm khắc hơn nhằm nghiêm trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử cân nhắc giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 16 giờ ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại nhà của bà Lê Thị N thuộc phường H1, thị xã (nay là thành phố) B1, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Thị Ngọc D đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của bị hại N bao gồm: 28.500.000 đồng tiền mặt; 01 sợi dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 5,5 chỉ trị giá 29.975.000 đồng; 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ trị giá 10.900.000 đồng; 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 02 chỉ trị giá 21.800.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18k có đính hột trọng lượng 1 chỉ trị giá 3.494.000 đồng; 01 sợi dây chuyền có mặt hình phạt vàng 18k trọng lượng 3,5 chỉ trị giá 12.228.000 đồng; 01 lắc đeo tay vàng 18k trọng lượng 3 chỉ trị giá 10.481.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo D chiếm đoạt của bị hại bà N là 117.378.000 đồng. Tiếp tục vào khoảng 15 giờ ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại nhà của bà Nguyễn Thị G, thuộc ấp X, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Thị Ngọc D đã chiếm đoạt tài sản của bị hại G bao gồm: 200.000.000 đồng tiền mặt; 02 nhẫn kim loại bằng vàng 9999, loại nhẫn trơn, mỗi nhẫn 02 chỉ tổng trị giá 21.600.000 đồng; 01 lắc vàng cảm thạch (hột tròn) 18k, trọng lượng khoảng 04 chỉ, 02 phân, 02 ly trị giá 13.500.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có gắn 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh trị giá 30.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo D chiếm đoạt của bị hại bà G là 265.500.000 đồng. Bị cáo D chiếm đoạt của các bị hại bà N và bà G là 382.878.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo biết việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Viện kiểm sát cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, bị cáo phạm tội có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc hơn nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là nhẹ và chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi cũng như nhân thân của bị cáo.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương sửa bản án sơ thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Sau đây viết là Nghị quyết số 326) và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-VKDSBD-P7 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2023.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.